

Số: *37* /2022/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày *17* tháng 10 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bãi bỏ một số điều của Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008; Luật Viên chức ngày 15/11/2010; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức ngày 25/11/2019;

Thực hiện Quy định số 89-QĐ/TW ngày 04/8/2017 của Bộ Chính trị về khung tiêu chuẩn chức danh, định hướng khung tiêu chí đánh giá cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp; Quy định số 80-QĐ/TW ngày 18/8/2022 của Bộ Chính trị về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Căn cứ Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Nghị định số 108/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2014/NĐ-CP ngày 05/5/2014 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25/9/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Nghị định số 138/2020/NĐ-CP ngày 27/11/2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 05/2021/TT-BNV ngày 12/8/2021 của Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Thực hiện Quy định số 288-QĐ/TU ngày 18/6/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 79/TTr-SNV ngày 07/10/2022 và Báo cáo thẩm định số 238/BC-STP ngày 05/9/2022 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi một số điểm, khoản, điều của Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

1. Sửa đổi khoản 3 Điều 3 như sau:

“3. Về trình độ: Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, trình độ đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

2. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 6, điểm a khoản 3 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 8, điểm a khoản 3 Điều 9, điểm a khoản 3 Điều 10, điểm a khoản 3 Điều 11, điểm a khoản 3 Điều 12, điểm a khoản 3 Điều 13 như sau:

“a) Có văn bằng chuyên môn phù hợp với tiêu chuẩn ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm được cấp có thẩm quyền phê duyệt.”

3. Sửa đổi khoản 4 Điều 6 như sau:

“4. Kinh nghiệm công tác: Có thời gian giữ chức vụ Phó Trưởng phòng thuộc Sở, ban, ngành hoặc tương đương, cấp phó các đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành ít nhất là 02 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quản lý, bổ nhiệm xem xét, quyết định.”

4. Sửa đổi khoản 4 Điều 7 như sau:

“4. Kinh nghiệm công tác:

a) Chức danh Phó Trưởng phòng và tương đương thuộc Sở, ban, ngành; chức danh cấp phó đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành không có cơ cấu tổ chức phòng, khoa: Có thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực được giao ít nhất là 02 năm.

b) Chức danh cấp phó đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành có cơ cấu tổ chức phòng, khoa: Có thời gian giữ chức vụ Trưởng phòng, khoa thuộc đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành hoặc tương đương ít nhất là 02 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quản lý, bổ nhiệm xem xét, quyết định.”

5. Sửa đổi khoản 4 Điều 8 như sau:

“4. Kinh nghiệm công tác: Có thời gian giữ chức vụ Phó Trưởng phòng thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hoặc tương đương, cấp phó các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố ít nhất là 02 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quản lý, bổ nhiệm xem xét, quyết định.”

6. Sửa đổi khoản 4 Điều 9, khoản 4 Điều 11, khoản 4 Điều 13 như sau:

“4. Kinh nghiệm công tác: Có thời gian công tác trong ngành, lĩnh vực được giao ít nhất là 02 năm.”

7. Sửa đổi khoản 4 Điều 10 như sau:

“4. Kinh nghiệm công tác: Có thời gian giữ chức vụ Phó Trưởng phòng thuộc đơn vị trực thuộc Sở, ban, ngành hoặc tương đương ít nhất là 02 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quản lý, bổ nhiệm xem xét, quyết định.”

8. Sửa đổi khoản 4 Điều 12 như sau:

“4. Kinh nghiệm công tác: Có thời gian giữ chức vụ cấp phó tổ chức, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc phòng chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố hoặc tương đương ít nhất là 02 năm. Trường hợp đặc biệt do cấp có thẩm quyền quản lý, bổ nhiệm xem xét, quyết định.”

Điều 2. Bãi bỏ một số cụm từ, điểm, khoản, điều của Quy định tiêu chuẩn chức danh công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tỉnh ban hành kèm theo Quyết định số 57/2021/QĐ-UBND ngày 16/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh:

1. Bỏ cụm từ “Không áp dụng tiêu chuẩn kinh nghiệm công tác khi tổ chức thi tuyển chức danh lãnh đạo thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, đơn vị, địa phương tại khoản 5 Điều 4; khoản 5 Điều 5; khoản 4 Điều 6; khoản 4 Điều 7; khoản 4 Điều 8; khoản 4 Điều 9; khoản 4 Điều 10; khoản 4 Điều 11; khoản 4 Điều 12; khoản 4 Điều 13 Quy định này.” tại điểm d khoản 7 Điều 3.

2. Bỏ cụm từ “Công chức, viên chức được điều động, luân chuyển, bổ nhiệm giữ chức vụ Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng trường cao đẳng phải có chứng chỉ bồi dưỡng đối với lãnh đạo, quản lý cấp sở và tương đương trong thời gian 12 tháng kể từ ngày được điều động, luân chuyển, bổ nhiệm.” tại điểm e khoản 7 Điều 3.

3. Bãi bỏ khoản 1 Điều 2, khoản 6 Điều 3, Điều 4, Điều 5, điểm c khoản 1 Điều 14.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/11/2022.

Điều 4. Trách nhiệm thi hành

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành, đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các Hội có tính chất đặc thù; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nội vụ (b/c);
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ (b/c);
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- V0-3; HC2, TH1,2,4;
- Lưu: VT, TH5.

QĐ108

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tường Văn